

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 723... ngày 29/12/2019.
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC...
	Phòng: VP kinh tế SP
Sao...	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/NSVT/, Năm công bố: 21/01/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HTX đầu tư sản xuất và TM PT NẤM SẠCH VIỆT TÚ

Địa chỉ: Đội 2 thôn Trung Hòa xã Phú Thịnh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0975 862 568 – 088 999 6606

E-mail: namsachviettu@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 050807000034

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 07/2019/NNPTNT-0321 Ngày cấp/ 21/01/2019 Nơi cấp: chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản thủy sản tỉnh hưng yên (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: trà NẤM LINH CHI

2. Thành phần: NẤM LINH CHI

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 THÁNG

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: trọng lượng hàng 50g đựng trong hộp, là 25 túi lọc, được đựng trong hai túi zip nhỏ, mỗi túi lọc có trọng lượng 2g.

Chất liệu bao bì bằng vỏ cát tông giấy, bên ngoài có màng co phủ tránh nước và ẩm mốc

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

HTX đầu tư sản xuất TM và PT NẤM SẠCH VIỆT TÚ

Địa chỉ: Đội 2 thôn Trung Hòa xã Phú Thịnh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Handwritten notes in the top right corner, possibly a date or page number.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật an toàn thực phẩm 2010
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật An toàn thực phẩm 2010
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 bộ y tế quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 15/06/2015 của bộ y tế về hướng dẫn quản lý phụ gia thực phẩm
- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y Tế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2012/BYT ngày 13/01/2012 của Bộ y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT ngày 01/03/2012 của Bộ Y Tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- TCVN 7049-2002 quy định chế biến có sử lý nhiệt
- Các văn bản hiện hành về an toàn thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã tự công bố./.

Phủ Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2019
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TÚ

Tên tổ chức, cá nhân HTX đầu tư sản xuất và TM PT NẤM SẠCH VIỆT TÚ
Địa chỉ: Đội 2 thôn Trung Hòa xã Phú Thịnh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

Số: 02/NSVT

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Trà nấm Linh Chi

2. Nhà sản xuất: HTX đầu tư sản xuất và TM PT NẤM SẠCH VIỆT TÚ .

Điện thoại: .

E-mail: .

3. Trạng thái sản phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột khô, đóng hộp
2	Màu sắc	Vàng nhạt
3	Mùi, vị	Có vị thơm và đắng của nấm linh chi
4	Khối lượng gói	Hộp 50g $\pm$ 7,5%

4. Thành phần: .

5. Chỉ tiêu an toàn

5.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Coliform	CFU/g	<10
2	E. coli	CFU/g	<10
3	Tổng VSV hiếu khí	CFU/g	7.1×10^2
4	Tổng số bào tử nấm mốc-men	CFU/g	<10
5	B.cereur	CFU/g	<10
6	Cl.perfringens	CFU/g	<10

5.2. Hàm lượng kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
-----	--------------	-------------	------------

1	Antimon (Sb)	ppm	ND
2	Arsen (As)	ppm	ND
3	Cadimi (Cd)	ppm	ND
4	Chì (Pb)	ppm	ND
5	Kẽm (Zn)	ppm	ND
6	Đồng (Cu)	ppm	ND
7	Thủy ngân (Hg)	ppm	ND
8	Độ ẩm	%	10.16
9	Tro tan trong nước	%	3.60

6. Hướng dẫn sử dụng: trà linh chi dạng nhúng, cho túi trà vào cốc hoặc ấm hãm trà sau đó cho khoảng 150-200ml nước sôi, ngâm 3 đến 5 phút sau đó nhấc lên vài ba lần cho trà ngấm đều trong nước, sau đó có thể sử dụng luôn được

7. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói: bao bì cát tông giấy cán bóng

8. Thời hạn sử dụng: 12 tháng

Số lô, Ngày sản xuất và hạn sử dụng: in trên bao bì

9. Hướng dẫn bảo quản: nơi khô ráo thoáng mát, nhiệt độ không quá 30⁰ c, tránh ánh sáng

Phú Thịnh, ngày 24 tháng 12 năm 2019.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TÚ



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 36470.19	Report date/ Ngày: 26-11-2019
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NẤM SẠCH VIỆT TÚ

Address (Địa chỉ) : Đội 2, thôn Trung Hòa, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, Hưng Yên

Information provided by applicant : Trà linh chi

(Thông tin được khách hàng cung cấp)

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (Số niêm) : Không niêm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20-11-2019

Sample tested on (Ngày phân tích) : 21-11-2019

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
36470.19/ 1	Trà linh chi Ký hiệu mẫu: Trà Linh Chi Việt Tú	Tổng số vi khuẩn hiếu khí ("")	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	7.1×10^2
		Coliforms ("")	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		E. coli ("")	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		Staphylococcus aureus ("")	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003	CFU/g	-	<10
		Clostridium perfringens ("")	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		Bacillus cereus	ISO 7932:2004	CFU/g	-	<10
		Nấm men, nấm mốc ("")	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		Vibrio parahaemolyticus ("")	ISO 21872-1:2017	Định tính/25g	-	ND
		Salmonella spp. ("")	ISO 6579-1:2017	Định tính/25g	-	ND
		Asen (As) ("")	AOAC 986.15	mg/kg	0.01	ND
		Cadimi (Cd) ("")	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) ("")	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND
		Thủy ngân (Hg) ("")	AOAC 971.21	mg/kg	0.01	ND
		Độ ẩm	TCVN 5613:2007	%	-	10.16
		Tro tan trong nước	TCVN 5084:2007	%	-	3.60

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 36470.19	Report date/ Ngày: 26-11-2019
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trạng



On behalf of NHO-QSCert

Đại diện NHO-QSCert

Hoàng Bá Nghị